

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-6-2023
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Vĩnh
2. Bà Trần Thị Phương Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhứt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Châu Ngọc Hạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 41/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim M, sinh năm 1984 (có đơn vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B1, xã B2, huyện G, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn N, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Trà H, xã Châu T, huyện V, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị Kim M trình bày tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 02 năm 2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án: Chị M và anh N xây dựng hôn nhân với nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu T năm 2018, theo giấy chứng nhận kết hôn số 113/2017 ngày 15/11/2018.

Nguyên nhân yêu cầu ly hôn: Cuộc sống vợ chồng giữa chị M và anh N thường phát sinh mâu thuẫn, anh N không lo làm ăn, qua lại với người phụ nữ khác bên ngoài, chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh N không thay đổi. Do sống

chung không hạnh phúc nên chị M và anh N đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu ly hôn với anh N.

Do quá quá trình chung sống không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn N không có lời khai trong hồ sơ. Lý do, Tòa án nhiều lần triệu tập anh N đến Tòa án làm việc nhưng anh N không đến; Tòa án đến nhà lấy lời khai nhưng anh N không có nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh B phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M đối với anh N. Về con chung không có, tài sản và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng. Chị M đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001449 ngày 27/02/2023 được chuyển thu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 14 tháng 02 năm 2023 chị Trần Thị Kim M nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn N. Anh N có địa chỉ đăng ký thường trú tại ấp Trà H, xã Châu T, huyện V, tỉnh B. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng anh N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt chị M, anh N theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị M và anh N tự nguyện chung sống vào năm 2018, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 113/2017 ngày 15/11/2018 do Ủy ban nhân dân xã Châu T, huyện V, tỉnh B cấp nên hôn nhân giữa chị M và anh N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Chị M xác định trong thời gian chung sống, giữa chị M và anh N thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng ý kiến, thường xuyên gây cãi. Khi mâu thuẫn, anh N có đánh chị. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, chị M và anh N đã ly thân tháng 12/2022 đến nay. Nay chị M yêu cầu ly hôn với anh N. Phía anh N được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh N không đến Tòa án làm việc nên anh N

không có lời khai trong hồ sơ. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai chị M phù hợp với lời khai bà Phạm Thị H là mẹ ruột anh N. Bà H xác định, quá trình chung sống, chị M và anh N có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn bắt nguồn từ kinh tế. Anh N có biết chị M nộp đơn ly hôn nhưng anh N bận đi làm xa không về được, anh N có nói với bà Hứa là anh N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Hôn nhân giữa chị M và anh N không còn hạnh phúc, quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn này đã trầm trọng, chị M và anh N đã ly thân từ tháng 12/2022 đến nay. Chị M không còn tình cảm với anh N, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị M yêu cầu được ly hôn với anh N là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M đối với anh N.

[4]. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh N chung sống không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị M phải chịu 300.000 đồng, chị M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001449 ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được chuyển thu án phí.

[6]. Từ những phân tích trên cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị Kim M đối với anh Phạm Văn N. Xử cho chị Trần Thị Kim M ly hôn với anh Phạm Văn N.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh N chung sống không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị M phải chịu 300.000 đồng, chị M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001449 ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được chuyển thu án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B
- VKSND huyện V;
- THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Châu T,
huyện V, tỉnh B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi